ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ SÔNG VÀNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:362 /KH-UBND	*Sông Vàng, ngày 11 tháng 11 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Sông Vàng

Chương I: CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT và Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT;

Căn cứ Quyết định số 4107/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

UBND xã Sông Vàng ban hành Kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã với các nội dung chi tiết sau:

Chương II: MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. MỤC ĐÍCH

1. Chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai (PCTT), sẵn sàng ứng phó kịp thời đối với các loại hình thiên tai phổ biến trên địa bàn xã như lũ quét, sạt lở đất đá, mưa lớn, dông lốc, hạn hán và cháy rừng tự nhiên; giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước và Nhân dân.

2. Huy động tối đa các nguồn lực tại chỗ, tăng cường năng lực ứng phó của lực lượng xung kích và cộng đồng dân cư, góp phần bảo vệ môi trường, sinh thái và phát triển kinh tế - xã hội bền vững tại địa phương.

3. Làm cơ sở cho các bộ phận chuyên môn, các thôn trên địa bàn xã xây dựng phương án ứng phó chi tiết, chủ động đề xuất ngân sách, vật tư, trang thiết bị phục vụ công tác cứu hộ cứu nạn và sơ tán dân cư an toàn.

II. YÊU CẦU

1. Quán triệt và thực hiện nghiêm túc phương châm "Bốn tại chỗ" (Chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ) và nguyên tắc phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương, hiệu quả.

2. Xác định rõ trách nhiệm của chính quyền xã, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự xã, các tổ chức chính trị - xã hội, Ban nhân dân các thôn và từng hộ gia đình trong hoạt động PCTT.

3. Nâng cao nhận thức cộng đồng, phát huy tinh thần tự giác, chủ động chằng chống nhà cửa, sơ tán đến nơi an toàn khi có thông báo, cảnh báo thiên tai.

Chương III: ĐẶC ĐIỂM ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI

I. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN VÀ HẠ TẦNG

1. Vị trí địa lý và địa hình: Xã Sông Vàng là xã miền núi phía Tây thuộc thành phố Đà Nẵng. Địa hình đồi núi cao, độ dốc lớn, mức độ chia cắt mạnh bởi hệ thống sông Sông Vàng và các khe suối tự nhiên (suối Ban Mai, Phu Son, Đha Nghi, Lấy, Vầu...). Tỷ lệ đất dốc cao khiến khu vực dễ xảy ra hiện tượng trượt lở đất đá và lũ quét cực đoan khi mưa lớn kéo dài.

2. Khí hậu và Thủy văn: Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa miền núi, mùa mưa tập trung từ tháng 9 đến tháng 12 với lượng mưa bình quân năm lớn (2.500 - 3.500 mm). Cường suất mưa lớn trong thời gian ngắn kết hợp địa hình dốc làm mực nước các sông suối dâng cao rất nhanh, gây ra lũ ống, lũ quét.

3. Hạ tầng giao thông và thủy lợi: Các tuyến đường giao thông liên xã, liên thôn chủ yếu đi qua địa hình sườn núi dốc, ngầm tràn bị chia cắt cục bộ khi có lũ. Hạ tầng thủy lợi gồm: thuỷ lợi Tống Cói, Tà Lâu, Ban Mai, Éo, Vầu… và các mương dẫn nước nhỏ phục vụ sản xuất nông nghiệp.

II. DÂN SINH VÀ ĐẶC ĐIỂM DỄ BỊ TỔN THƯƠNG

1. Dân cư: xã Sông Vàng có 05 thôn với tổng dân số 1.777 hộ/6.886 khẩu; dân cư số sống dọc theo tuyến Quốc lộ 14G, tuyến đường ĐH1.ĐG và phân bố tại các cụm làng truyền thống dọc theo các sườn đồi, thung lũng. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo (21,89%) và đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao (trên 50%).

2. Mức độ tổn thương: Nhà ở tại các thôn vùng cao còn nhiều nhà bán kiên cố, khả năng chịu lực kém trước gió lốc và sạt lở. Sinh kế phụ thuộc chủ yếu vào làm nương rẫy, trồng rừng keo và chăn nuôi gia súc, rất dễ bị thiệt hại nặng nề do thiên tai.

Chương IV: ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Bộ máy chỉ đạo, điều hành: Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự xã Sông Vàng được kiện toàn hằng năm do Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban. Đội xung kích PCTT cấp xã được thành lập với lực lượng nòng cốt là Dân quân tự vệ, Công an xã, Đoàn thanh niên và lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở.

2. Tồn tại, hạn chế: Mạng lưới thông tin liên lạc tại một số thôn vùng sâu thường xuyên bị gián đoạn trong mùa mưa bão; trang thiết bị cứu hộ cứu nạn chuyên dùng tại chỗ còn thiếu; kinh phí dự phòng khắc phục hậu quả thiên tai còn hạn chế.

Chương V: ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI VÀ CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI PHỔ BIẾN

I. CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI PHỔ BIẾN

1. Lũ quét và sạt lở đất: Là hai loại hình thiên tai nguy hiểm nhất trên địa bàn xã, thường xảy ra trong thời gian từ tháng 9 đến tháng 12 khi mưa lớn kéo dài. Lũ quét xảy ra các khu vực dọc Sông Vàng, các khe suối Ban Mai, Phu Son, Đha Nghi, Lấy, Vầu; sạt lở đất trên Quốc lộ 14G, các tuyến giao thông liên thôn.

2. Mưa lớn, dông lốc, sét: Xuất hiện phổ biến vào thời điểm chuyển mùa (tháng 4 - tháng 8) và trong các đợt áp thấp nhiệt đới, bão, gây tốc mái nhà cửa, đổ gãy cây cối, hoa màu.

3. Hạn hán và Cháy rừng tự nhiên: Tập trung trong các tháng mùa khô (tháng 4 - tháng 7), gây thiếu nước tưới sản xuất, nước sinh hoạt và nguy cơ cháy rừng phòng hộ, rừng trồng ở mức cao.

II. PHÂN VÙNG CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI (LŨ QUÉT, SẠT LỞ ĐẤT)

1. Rủi ro cấp độ 1: Mưa lượng từ 100 mm - 200 mm/24h kéo dài 1-2 ngày, xuất hiện nguy cơ sạt lở nhỏ tại các mái taluy đường giao thông nông thôn và các khe suối dốc.

2. Rủi ro cấp độ 2: Mưa lượng từ 200 mm - 400 mm/24h kéo dài trên 2 ngày, xảy ra ngập lũ các ngầm tràn, sạt lở đất đá quy mô vừa tại các khu vực dân cư ven sông Sông Vàng và các tuyến giao thông huyết mạch.

3. Rủi ro cấp độ 3: Mưa lớn đặc biệt cực đoan trên 400 mm/24h kéo dài, nguy cơ cao xảy ra lũ quét lịch sử, sạt lở đất diện rộng vùi lấp các điểm dân cư xung yếu.

Chương VI: CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

I. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU (BIỆN PHÁP PHI CÔNG TRÌNH VÀ CÔNG TRÌNH)

1. Biện pháp phi công trình:

- Kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự xã và Đội xung kích PCTT cấp xã; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên phụ trách từng thôn, nóc.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn Nhân dân kỹ năng nhận biết dấu hiệu lũ quét, sạt lở đất (nước sông suối chuyển màu đục ngầu, có tiếng động lạ trong lòng núi, nứt đất...); chủ động chằng chống nhà cửa trước mùa mưa bão.

- Rà soát, cập nhật hằng năm bản đồ các điểm có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất, lũ quét để lập phương án sơ tán dân khẩn cấp.

- Quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn, tăng cường công tác tuần tra phòng cháy chữa cháy rừng trong mùa khô.

2. Biện pháp công trình:

- Nâng cấp, gia cố an toàn đập đầu mối các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt đảm bảo phục vụ nhu cầu tưới và sinh hoạt của người dân.

- Thực hiện tốt chương trình xoá nhà tạm, nhà dột nát, nhà ở vùng thiên thai uy hiếp.

- Xây dựng mới và nâng cấp các tuyến kè chống sạt lở bờ suối Ban Mai, Phu Son; suối Đha Nghi, Lấy, Vầu và kè chống sạt lở khu dân cư Điềm.

- Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các Khu tái định cư Đha Mi, Panan và các hhu tái định cư trên địa bàn xã để di dời, bố trí sắp xếp ổn định cuộc sống cho các hộ dân nằm trong vùng nguy cơ cao sạt lở đất, lũ quét.

- Nâng cấp, kiên cố hóa các nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, điểm trường học kết hợp làm nơi tránh trú thiên tai an toàn cho Nhân dân.

II. BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ THIÊN TAI

1. Khi có cảnh báo mưa lớn, bão, áp thấp nhiệt đới:

- Tổ chức trực ban 24/24h; thông báo kịp thời diễn biến thời tiết đến các Trưởng thôn và người dân qua hệ thống loa truyền thanh, nhóm Zalo cộng đồng và lực lượng xung kích.

- Triển khai ngay lực lượng xung kích hỗ trợ Nhân dân chằng chống nhà cửa, di dời tài sản, gia súc đến nơi an toàn.

2. Khi xảy ra nguy cơ lũ quét, sạt lở đất (Rủi ro cấp 2, cấp 3):

- Kiên quyết tổ chức sơ tán khẩn cấp các hộ dân tại các vùng có nguy cơ cao bị sạt lở, vùi lấp về các điểm tránh trú tập trung (Nhà sinh hoạt cộng đồng,

trường học kiên cố, các khu TĐC Đha Mi, Panan). Thực hiện cưỡng chế sơ tán nếu hộ dân không chấp hành vì mục đích an toàn tính mạng.

- Cắm biển cảnh báo, cử lực lượng canh gác 24/24h tại các đoạn đường ngập sâu, ngầm tràn, khu vực sạt lở; kiên quyết không cho người và phương tiện qua lại.

III. BIỆN PHÁP KHẮC PHÚC HẬU QUẢ

1. Huy động lực lượng tại chỗ (Công an, Dân quân, Thanh niên) tổ chức tìm kiếm người mất tích, sơ cấp cứu người bị thương, giúp Nhân dân dựng lại nhà cửa tạm thời, ổn định chỗ ở.

2. Kịp thời cứu trợ lương thực, thực phẩm, nước sạch, nhu yếu phẩm thiết yếu cho các hộ dân bị ảnh hưởng, tuyệt đối không để người dân bị thiếu đói.

3. Tiến hành dọn dẹp vệ sinh môi trường, phun thuốc khử trùng chống dịch bệnh sau mưa lũ; khắc phục nhanh các điểm sạt lở giao thông, đường điện, công trình nước sinh hoạt để khôi phục sinh hoạt và sản xuất.

4. Thống kê, đánh giá chính xác thiệt hại báo cáo UBND thành phố và các Sở, ngành liên quan để đề xuất hỗ trợ kinh phí tái thiết.

Chương VII: LỒNG GHÉP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Lồng ghép trong quy hoạch sử dụng đất và xây dựng hạ tầng: Tuyệt đối không cấp phép xây dựng nhà ở, công trình tại các khu vực đã được cảnh báo nguy cơ sạt lở đất đá cao; lồng ghép tiêu chuẩn an toàn PCTT vào các dự án nâng cấp đường giao thông nông thôn, quy hoạch khu dân cư mới.

2. Lồng ghép trong phát triển nông - lâm nghiệp: Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ phù hợp để tránh bão lũ; khuyến khích phát triển mô hình nông - lâm kết hợp, trồng rừng gỗ lớn bền vững để tăng độ che phủ đất, giảm thiểu dòng chảy lũ mặt.

Chương VIII: NGUỒN NHÂN LỰC VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn nhân lực: Lực lượng tại chỗ của xã Sông Vàng gồm Ban Chỉ huy PTDS xã, Đội xung kích PCTT xã, Công an xã, Dân quân tự vệ, cán bộ công chức xã và Nhân dân 100% các thôn.

2. Nguồn kinh phí: Ngân sách nhà nước hỗ trợ theo kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030; ngân sách dự phòng hằng năm của xã; Quỹ Phòng, chống thiên tai thành phố; nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu quốc gia (Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN, Nông thôn mới) và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Chương IX: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch UBND xã - Trưởng ban Ban Chỉ huy PTDS xã: Trực tiếp chỉ đạo, điều hành toàn bộ công tác PCTT&TKCN trên địa bàn xã; phê duyệt Phương án ứng phó thiên tai hằng năm.

2. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự xã: Tổ chức trực ban nghiêm túc trong mùa mưa bão; tham mưu chỉ đạo huy động lực lượng, phương tiện ứng phó khẩn cấp và khắc phục hậu quả thiên tai.

3. Chỉ huy trưởng Công an xã, Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã: Sẵn sàng lực lượng, phương tiện cơ động cứu hộ cứu nạn, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông và hỗ trợ sơ tán Nhân dân.

4. Phòng Kinh tế xã: Phối hợp kiểm tra hiện trạng các công trình kè, đập, vùng sạt lở; tham mưu triển khai các dự án kè, tái định cư và thống kê thiệt hại nông nghiệp.

5. Ban Nhân dân các thôn: Tuyên truyền Nhân dân chủ động phòng tránh; nắm chắc số hộ, số khẩu trong vùng nguy hiểm để sẵn sàng sơ tán khi có lệnh; điều hành lực lượng tại chỗ của thôn xử lý tình huống ban đầu./.

Nơi nhận:
- UBND thành phố Đà Nẵng (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Ban Chỉ huy PTDS thành phố;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Ban Chỉ huy PTDS xã Sông Vàng;
- Ban Nhân dân các thôn;
- PCVP;
- Lưu: VT, PKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ SÔNG VÀNG T.P ĐÀ NẴNG

Lê Văn Tư